

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ M
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/DS-ST
Ngày: 25/4/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thanh Nhàn;
- Ông Nguyễn Văn Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Phương Á, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Ngụ Hoàng O, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Hữu T, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Phương Á trình bày: Do chỗ quen biết với bà O, ông T, bà có tham gia 02 dây hụi do bà O làm chủ:

Dây hội thứ nhất: Hội 5.000đ/tháng khai ngày 22/05/2023 (al) hội có 24 hội viên, dây hội này bà tham gia 01 phần (trong dây hội này chủ hội ghi tên “Phương Á số thứ tự số 12” dây hội này bà châu được lần 11 hội thì bà O tuyên bố bỏ hội, không khai hội tiếp tục, số tiền hội bà được hưởng là 55.000.000 đồng. Hội hiện nay chưa mãn, nhưng bà O không khai tiếp tục.

Dây hội thứ hai: Hội 10.000.000đ/tháng khai ngày 24/05/2023 (al) hội có 22 hội viên, dây hội này bà tham gia 01 phần (trong dây hội này chủ hội ghi tên “Phương Á số thứ tự số 12” dây hội này bà châu được lần 08 hội thì bà O tuyên bố bỏ hội, không khai tiếp tục, số tiền hội bà châu được là 80.000.000 đồng. Hội hiện nay chưa mãn, nhưng bà O không khai tiếp tục.

Tổng cộng 02 dây hội mà bà O nợ bà số tiền hội là 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Trong thời gian giao dịch hội với bà thì vợ chồng bà O ông T đều đi góp hội.

Nay bà yêu cầu bà O, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hội trong 02 dây hội là 135.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bà yêu cầu vợ chồng bà O, ông T trả trước ch bà 50.000.000 đồng, số tiền còn lại mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 135.000.000 đồng.

Tại tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ngụy Hoàng O trình bày: Bà cũng thông nhất số tiền hội mà bà Á châu trong 02 dây hội là 135.000.000 đồng (nhưng trong đó có phần tiền vốn và phần tiền lời), sau đó bà có bán tài sản và bà có kêu bà Á ra trả theo tỷ lệ 10% của tất cả các hội viên, nhưng bà Á không đồng ý và tự ý bỏ về. Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn cho bà xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 135.000.000 đồng, khi nào bà có tiền nhiều thì bà sẽ trả nhiều hơn.

Tại tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hữu T trình bày: Ông là chồng bà O, ông thừa nhận số tiền hội hiện nay bà O nợ bà Á 135.000.000 đồng thì ông cũng biết, bà O khai hội với mục đích sinh hoạt trong gia đình. Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn cho ông cũng hứa cùng bà O xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 135.000.000 đồng, khi nào có tiền nhiều thì vợ chồng ông sẽ trả nhiều hơn.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); danh sách hội viên (bản photo).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Ngụy Hoàng O vẫn thừa nhận hiện nay còn thiếu số tiền hội của bà Á là 135.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hữu T cũng thống nhất ý kiến của bà O, ông không có ý kiến nào khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Do chỗ quen biết với bà O, bà có tham gia chơi hội do bà O làm chủ cụ thể:

Dây hội 5.000đ/tháng khai ngày 22/05/2023 (al) hội có 24 hội viên, dây hội này bà tham gia 01 phần đã đóng với số tiền 11 lần x 5.000.000 đồng = 55.000.000 đồng.

Dây hội 10.000.000đ/tháng khai ngày 24/05/2023 (al) hội có 22 hội viên, dây hội này bà tham gia 01 phần đã đóng với số tiền 08 lần x 10.000.000 = 80.000.000 đồng. Tháng 3/2024 bà O tuyên bố bẻ hội và cùng chồng là ông Đặng Hữu T viết biên nhận, thừa nhận đã nhận số tiền hội 135.000.000 đồng. Nay, yêu cầu bà O, ông T liên đới trả tổng cộng số tiền hội là 135.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, phía bà O, ông T thống nhất số nợ 135.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Á số nợ trên.

Xét thấy, các đương sự thống nhất giao dịch hội, do bà O không hoàn thành nghĩa vụ của chủ hội và tuyên bố vỡ hội nên có trách nhiệm hoàn trả số tiền hội đã nhận từ bà Á. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà O, ông T thống nhất trả cho bà Á số tiền hội 135.000.000 đồng, còn phương thức thanh toán sẽ thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án, buộc bà O, ông T trả cho bà Á số tiền hội 135.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Trương Thị Phương Á khởi kiện yêu cầu bà Ngụy Hoàng O, ông Đặng Hữu T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui cho bà số tiền hui 135.000.000. Bà O, ông T có nơi cư trú tại ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Chợ M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời khai và lời trình bày của bà Á tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình bà giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định giữa bà Á với bà O có ký kết hợp đồng góp hui giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, không trái đạo đức xã hội, do bà O tuyên bố bẻ hui và không khai tiếp tục, không trả số tiền hui mà bà Á đã châu cho bà O khi bà Á có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà O cũng thừa nhận số tiền hui mà bà Á đã châu và được hưởng là 135.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên không thể thanh toán cho bà Á một lần.

Trong số các tài liệu, chứng cứ do bà Á cung cấp có danh sách 02 dây hui được bà O ghi thể hiện nằm các số thứ tự 12 trong 02 dây hui.

Như vậy, lời khai của bà Á phù hợp với danh sách hui và lời trình bày của bà O do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Á.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:*

Bà Á yêu cầu bà O, ông T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hui 135.000.000 đồng.

Đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn: Từ khi bà O tuyên bố bẻ hui không khai tiếp tục và không trả số tiền hui mà bà Á được hưởng cho đến nay cho bà Á, mặc dù bà Á có yêu cầu nhiều lần, bà O cũng thống nhất và hiện nay còn nợ bà Á số tiền hui mà bà Á được hưởng là 135.000.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn bà không thể trả một lần cho bà Á.

[4] *Về nghĩa vụ liên đới trả nợ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Hữu T:* Ông cũng thừa nhận bà O là vợ ông có nợ bà Á số tiền hui là 135.000.000 đồng, hoàn cảnh gia đình khó khăn không thể trả cho bà Á một lần.

Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà Á tại phiên Tòa, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Á là phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Á không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, do bà O, ông T thống nhất trả cho bà Á số tiền hui 135.000.000 đồng, còn phương thức thanh toán sẽ thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Vì vậy Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án, buộc bà O, ông T trả cho bà Á số tiền hui là 146.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy giữa các đương sự đã thống nhất về số tiền nhưng chưa thống nhất về phương thức thanh toán, do đó Hội đồng xét xử không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án như đề nghị của Kiểm sát viên. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Phương Á, buộc bà Ngụy Hoàng O, ông Đặng Hữu T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Phương Á số tiền hui là 135.000.000 đồng, còn phương thức thanh toán giữa bà Trương Thị Phương Á với bà Ngụy Hoàng O, ông Đặng Hữu T sẽ được giải quyết tại giai đoạn Thi hành án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Ngụy Hoàng O, ông Đặng Hữu T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bà Trương Thị Phương Á không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 282, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Phương Á.

Buộc bà Ngụy Hoàng O, ông Đặng Hữu T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Phương Á số tiền hui 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà bà Nguyễn Hoàng O, ông Đặng Hữu T phải chịu 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị Phương Á không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trương Thị Phương Á số tiền tạm ứng án phí 3.375.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) mà bà Trương Thị Phương Á đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015250 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M cấp ngày 19 tháng 3 năm 2024.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ M;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn